

Số: 205/TB-STC

Hưng Yên, ngày 10 tháng 4 năm 2026

THÔNG BÁO

**Về việc công khai số liệu và thuyết minh thu, chi ngân sách nhà nước
quý I năm 2026**

I. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Thu ngân sách trên địa bàn

Dự toán thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn năm 2026 theo Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2026. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn là 84.250.000 triệu đồng. Trong đó, thu nội địa là 77.600.000 triệu đồng; thu xuất nhập khẩu là 6.650.000 triệu đồng.

Tính đến quý I năm 2026, tổng thu NSNN trên địa bàn tỉnh Hưng Yên được 18.715.604 triệu đồng, đạt 22,2% dự toán HĐND tỉnh giao, cụ thể:

1.1. Thu nội địa: Thu nội địa quý I năm 2026 được 17.108.049 triệu đồng, đạt 22,0% dự toán HĐND tỉnh giao. Nếu trừ thu tiền sử dụng đất và xổ số kiến thiết, thoái vốn của DN, thu nội địa được 11.446.321 triệu đồng, đạt 37,8% dự toán giao. Số thu nội địa cơ bản đảm bảo tiến độ thu theo dự toán và vượt dự toán, trong đó có 11/16 khoản thu, sắc thuế đạt và vượt tiến độ thu, còn lại 4/16 khoản thu, sắc thuế chưa đảm bảo tiến độ thực hiện. Cụ thể:

- Khu vực DNNN trung ương: Thu được 242.800 triệu đồng, đạt 28,6% so với dự toán.

- Khu vực DNNN địa phương: Thu được 80.200 triệu đồng, đạt 45,3% so với dự toán.

- Khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Thu được 1.497.708 triệu đồng, đạt 42,8% so với dự toán.

- Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: Thu được 7.434.315 triệu đồng, đạt 44,9% so với dự toán.

- Lệ phí trước bạ: Thu được 541.949 triệu đồng, đạt 36,2% so với dự toán.

- Thuế thu nhập cá nhân: Thu được 1.129.295 triệu đồng, đạt 40,3% so với dự toán.

- Thuế bảo vệ môi trường: Thu được 180.215 triệu đồng, đạt 29,3% so với dự toán.

- Phí và lệ phí: Thu được 34.178 triệu đồng, đạt 19,3% so với dự toán.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Thu được 7.182 triệu đồng, đạt 7,2% so với dự toán.

- Tiền sử dụng đất: Thu được 5.614.194 triệu đồng, đạt 11,9% so với dự toán.

- Tiền thuê mặt đất, mặt nước: Thu được 31.388 triệu đồng, đạt 1% so với

dự toán.

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Thu được 42.029 triệu đồng, đạt 80,8% so với dự toán.

- Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản ... tại xã: Thu được 14.197 triệu đồng, đạt 7,7% so với dự toán.

- Thu khác: Thu được 210.701 triệu đồng, đạt 26,3% so với dự toán.

- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết: Thu được 26.520 triệu đồng, đạt 31,6% so với dự toán.

1.2. Thu xuất, nhập khẩu: Thu xuất nhập khẩu quý I năm 2026 được 1.548.172 triệu đồng, đạt 23,3% dự toán.

2. Thu ngân sách địa phương

Tổng thu ngân sách địa phương (NSDP) được hưởng đạt 16.117.045 triệu đồng, đạt 23,2% dự toán giao.

(Số liệu chi tiết thu ngân sách theo Biểu số 54/CK-NSNN, Biểu số 55/CKNSNN đính kèm)

II. CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Tổng chi ngân sách địa phương hết quý I năm 2026 tỉnh Hưng Yên là 20.514.314 triệu đồng. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 14.213.357 triệu đồng (Bao gồm lũy kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm 2025 chuyển sang năm 2026)

- Chi thường xuyên: 6.281.893 tỷ đồng, đạt 21,6% so với dự toán.

Ngay từ đầu năm, ngành Tài chính đã tập trung triển khai đồng bộ và quyết liệt các giải pháp để thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026. Công tác điều hành và quản lý chi ngân sách 03 tháng đầu năm 2026 của các cơ quan, đơn vị cơ bản bám sát dự toán được giao, đáp ứng các nhiệm vụ và kế hoạch đề ra.

(Số liệu chi tiết chi ngân sách theo Biểu số 56.1/CK-NSNN, Biểu số 56.2/CK-NSNN đính kèm)

Vậy, Sở Tài chính Thông báo công khai số liệu thu, chi quý I năm 2026 tỉnh Hưng Yên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, QLNS.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Lan

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 205/TB-STC ngày 10/4/2026 của Sở Tài chính Hưng Yên)

Đơn vị: triệu Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện		Ước quý I so (%)	
			Quý I	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	84.250.000	18.715.604	18.715.604	22,2%	
I	Thu nội địa không kể dầu thô	77.600.000	17.109.317	17.109.317	22,0%	
II	Thu về dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	6.650.000	1.548.172	1.548.172	23,3%	
IV	Thu Viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	79.271.468	33.428.291	33.428.291	42,2%	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	69.471.750	16.117.045	16.117.045	23,2%	
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	2.910.650	896.844	896.844	30,8%	
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	66.561.100	15.220.201	15.220.201	22,9%	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	9.799.718	11.097.579	11.097.579	113,2%	
1	Bổ sung cân đối	5.315.159	5.168.730	5.168.730	97,2%	
2	Bổ sung có mục tiêu	4.484.559	5.928.850	5.928.850	132,2%	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		6.213.667	6.213.667		
V	Thu kết dư					
C	TỔNG CHI NSDP	79.247.568	29.764.156	29.764.156	37,6%	
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	74.763.009	20.514.314	20.514.314	27,4%	
1	Chi đầu tư phát triển	42.542.000	14.231.357	14.231.357	33,5%	
2	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	29.067.089	6.281.893	6.281.893	21,6%	
3	Chi trả lãi, phí tiền vay	6.200	561	561	9,0%	
4	Chi viện trợ					
5	Chi cho vay					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.450				
7	Dự phòng NSNN	1.869.673				
8	Các nhiệm vụ chi khác	1.275.597	503	503		
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	4.484.559				
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ I NĂM 2026(Kèm theo Báo cáo số 205/TB-STC ngày 10/4/2026 của Sở Tài chính Hưng Yên)

Đơn vị: triệu Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện		Ước quý I/2026 so (%)	
			Quý I	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	84.250.000	18.715.604	18.715.604	22,2%	
I	Thu nội địa không kể dầu thô	77.600.000	17.108.049	17.108.049	22,0%	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo	1.027.000	323.015	323.015	31,5%	
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	3.500.000	1.497.708	1.497.708	42,8%	
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	16.550.000	7.434.315	7.434.315	44,9%	
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.800.000	1.129.295	1.129.295	40,3%	
5	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan thuế thực hiện	616.000	180.215	180.215	29,3%	
6	Các loại phí, lệ phí	1.677.000	576.127	576.127	34,4%	
	<i>Trở: Lệ phí trước bạ</i>	<i>1.500.000</i>	<i>541.949</i>	<i>541.949</i>	<i>36,1%</i>	
7	Các khoản thu về nhà, đất	50.300.000	5.652.913	5.652.913	11,2%	
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>					
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	<i>100.000</i>	<i>7.182</i>	<i>7.182</i>	<i>7,2%</i>	
-	<i>Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	<i>3.000.000</i>	<i>31.388</i>	<i>31.388</i>	<i>1,0%</i>	
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	<i>47.200.000</i>	<i>5.614.194</i>	<i>5.614.194</i>	<i>11,9%</i>	
-	<i>Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>		<i>148</i>	<i>148</i>		
8	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	84.000	26.520	26.520	31,6%	
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển	52.000	42.029	42.029	80,8%	
11	Thu tiền cấp quyền khai thác vùng biển	1.000				
12	Thu khác ngân sách	800.000	210.701	210.701	26,3%	
13	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	185.000	14.197	14.197	7,7%	
14	Thu hồi vốn, cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN	8.000	21.014	21.014	262,7%	
-	<i>Thu hồi vốn của Nhà nước tại các tổ chức kinh tế</i>		<i>21.000</i>	<i>21.000</i>		
-	<i>Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước</i>	<i>8.000</i>	<i>14</i>	<i>14</i>	<i>0,2%</i>	
II	Thu về dầu thô					
III	Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu	6.650.000	1.548.172	1.548.172	23,3%	

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện		Ước quý I/2026 so (%)	
			Quý I	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
1	Thuế xuất khẩu	45.600	10.344	10.344	22,7%	
2	Thuế nhập khẩu	634.700	136.318	136.318	21,5%	
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu	100			0,0%	
4	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	5.956.900	1.382.431	1.382.431	23,2%	
5	Thuế bổ sung đối với hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam		15.991	15.991		
6	Thuế bảo vệ môi trường hàng nhập khẩu	7.200	2.181	2.181	30,3%	
7	Thu khác	5.500	908	908	16,5%	
IV	Thu Viện trợ					
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác		-1.562.909	-1.562.909		
1	Hoàn thuế GTGT		-1.562.909	-1.562.909		
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	69.471.750	16.117.045	16.117.045	23,2%	
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP	2.910.650	15.220.201	15.220.201		
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	66.561.100	896.844	896.844		

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ I NĂM 2026(Kèm theo Báo cáo số. 205/TB-STC ngày 10/4/2026 của Sở Tài chính Hưng Yên)

Đơn vị: triệu Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện		Ước quý I so (%)	
			Quý I	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ	79.247.568	28.766.473	28.766.473	36,3%	
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	74.763.009	20.514.314	20.514.314	27,4%	
I	Chi đầu tư phát triển	42.542.000	14.231.357	14.231.357	33,5%	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực		13.697.634	13.697.634		
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia		533.724	533.724		
II	Chi trả lãi, phí tiền vay	6.200	561	561	9,0%	
III	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	29.067.089	6.281.893	6.281.893	21,6%	
	<i>Trong đó:</i>					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	13.292.168	2.149.462	2.149.462	16,2%	
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	912.300	26.307	26.307	2,9%	
IV	Chi cho vay					
V	Chi viện trợ					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.450				
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	1.869.673				
VIII	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế	1.275.597				
IX	Các nhiệm vụ chi khác		503	503		
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSĐP	4.484.559				
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án	529.700				
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách	3.954.859				
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					

LINH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG ĐU ĐUNG CƠ MỤC TIÊU CHỦ ĐỊA
PHƯƠNG VÀ CHỈ DẪN TÀI CHÍNH

Biểu số 56.2/CK-NSNN

(Kèm theo Báo cáo số: 305/TB-STC ngày 10/4/2026 của Sở Tài chính Hưng Yên)

STT		Nội dung	Dự phòng ngân sách địa phương			Dự phòng ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương			Quỹ dự trữ tài chính		
			Dự toán HĐND quyết định	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại	Số NSTW bổ sung	Số đã phân bổ	Còn lại	Số dư đầu năm	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại
A		B	1	2	3=1-2	4	5	6=4-5	7	8	9=7-8
		Tổng số	1.869.673			0	0	0	1.307.882	0	1.307.882
1		Chi đầu tư phát triển									
2		Chi thường xuyên									

Đơn vị: Triệu đồng